

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ PHƯỚC CHÁNH SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND xã Phước Chánh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026				Ghi chú	
								Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
									Tổng số	Trong đó:			NS TW	NS TP	NS xã		NS TW	NS TP	NS xã (NS tập trung)		
	TỔNG CỘNG								123.130	33.200	24.100	65.830	47.493	33.096	12.742	1.655	27.696,000	-	-	27.696,000	
A	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang năm 2026								97.993	33.200	24.100	40.693	47.493	33.096	12.742	1.655	13.018,360	-	-	13.018,360	
I	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam								10.300		10.300		7.427	950	6.477		2.388,360			2.388,360	
-	Trụ sở Công an xã Phước Chánh	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	7004692	041	2024 2025	23; 13/5/2024	5.150		5.150		4.735	375	4.360		364,833			364,833	
-	Trụ sở Công an xã Phước Công	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	7004692	041	2024 2025	26; 16/5/2024	5.150		5.150		2.692	575	2.117		2.023,527			2.023,527	
II	NGÀNH, LĨNH VỰC								40.693	-	-	40.693	1.655	-	-	1.655	10.630,000	-	-	10.630,000	
1	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG								20.693	-	-	20.693	1.000	-	-	1.000	7.000,000	-	-	7.000,000	
-	Xây dựng bãi xử lý rác thải tập trung xã Phước Chánh (giai đoạn 1)	Phòng Kinh tế	Thuê đơn vị tư vấn	Xã Phước Chánh	8167136	261	2025 2027	341; 05/11/2025	10.000			10.000	500			500	3.500,000			3.500,000	
-	Khu nghĩa trang nhân dân xã Phước Chánh (giai đoạn 1)	Phòng Kinh tế	Thuê đơn vị tư vấn	Xã Phước Chánh	8166676	278	2025 2027	413; 05/12/2025	10.693			10.693	500			500	3.500,000			3.500,000	
2	CÁP, THOÁT NƯỚC								20.000	-	-	20.000	655	-	-	655	3.630,000	-	-	3.630,000	
-	Nước sinh hoạt kết hợp với thủy lợi suối Xà Ka xã Phước Chánh (giai đoạn 1)	Phòng Kinh tế	Thuê đơn vị tư vấn	Xã Phước Chánh	8167135	311	2025 2027	342; 05/11/2025	20.000			20.000	655			655	3.630,000			3.630,000	
III	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững								47.000	33.200	13.800		38.411	32.146	6.265		-	-	-	-	
-	Nâng cấp đường ĐH1.PS (Phước Đức – Phước Kim)	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	8049300	292	2023 2025	2369; 25/9/2023	27.000	16.200	10.800		18.630	16.200	2.430		-				
-	Đầu tư hạ tầng Khu trồng cây ăn quả, cây dược liệu tập trung kết hợp bố trí sắp xếp dân cư xã Phước Chánh và Phước Năng (Giai đoạn 1: Tuyển giao thông nội vùng số 1)	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	7970778	292	2022 2025	2228; 23/8/2022	20.000	17.000	3.000		19.781	15.946	3.835		-				
B	Dự án khởi công mới năm 2026								25.137			25.137					14.677,640			14.677,640	
I	NGÀNH, LĨNH VỰC								25.137			25.137					14.677,640			14.677,640	
1	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC DẠY NGHỀ								7.000			7.000					4.000,000			4.000,000	
-	Đầu tư giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng trường mẫu giáo Phước Chánh	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	8184478	071	2026 2027	127; 24/3/2026	2.000			2.000					1.500,000			1.500,000	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Chủ đầu tư	Quản lý dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư dự án					Kế hoạch vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026				Ghi chú
								Số quyết định; ngày tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Dự kiến tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
									Tổng số	Trong đó:			NS TW	NS TP	NS xã		NS TW	NS TP	NS xã (NS tập trung)		
-	Nâng cấp trường PTDT BT THCS Phước Chánh (HM: Khu thể thao)	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	8184474	073	2026 2027	129; 26/3/2026	5.000			5.000					2.500,000			2.500,000	
2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ								18.137			18.137					10.677,640			10.677,640	
2.1	THỦY LỢI - THỦY SẢN								3.147			3.147					2.300,000			2.300,000	
-	Nâng cấp thủy lợi nước Rú thôn 5 xã Phước Chánh	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	8184476	283	2026	162; 31/3/2026	1.347			1.347					1.100,000			1.100,000	
-	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Nước Rau, Nước Leo thôn Phước Công 2, xã Phước Chánh	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	8185174	283	2026	140; 27/3/2026	1.800			1.800					1.200,000			1.200,000	
2.2	ĐỊNH CANH, ĐỊNH CỬ								5.000			5.000					4.500,000			4.500,000	
-	Khu dân dân thôn 1 xã Phước Chánh	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh			2026 2027		5.000			5.000					4.500,000			4.500,000	
2.3	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ								9.990			9.990					3.877,640			3.877,640	
-	Đường dân dân thôn 3 xã Phước Chánh	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	8184477	292	2026 2027	125; 24/3/2026	2.300			2.300					-				
-	Đường sản xuất Nước Leo thôn Phước Công 2 (giai đoạn 2)	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	8185173	292	2026 2027	136; 27/3/2026	2.000			2.000					1.700,000			1.700,000	
-	Đường sản xuất thôn 3 xã Phước Chánh	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh	8186280	292	2026 2027	186; 09/4/2026	3.390			3.390					2.177,640			2.177,640	
-	Xây dựng bờ kè suối Nước Non đường giao thông thôn 3 xã Phước Chánh	Phòng Kinh tế	TTCUD VSNC	Xã Phước Chánh			2026 2027		2.300			2.300					-				